

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 407/2021/HS-PT

Ngày: 27/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn C;
Ông Nguyễn Tất Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh S, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 643/2021/TLPT-HS ngày 27 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Việt C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2021/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Việt C, sinh ngày 15/6/1989, tại huyện M, tỉnh S; nơi ĐKKHKT: Xóm 1, tiểu khu T, xã H, huyện M, tỉnh S; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Việt Đ và bà Trần Thị T; vợ là La Ngọc M và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/10/2018 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định: Bà Trần Bích L – Luật sư của Văn phòng luật sư Niềm tin C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cơ sở kinh doanh A được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24A8005769, đăng ký lần đầu ngày 07/4/2014; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/02/2016, ngành nghề kinh doanh “Buôn bán thực phẩm chức năng, mỹ phẩm; hàng tiêu dùng, nước giải khát đồ lon, chai; đại lý ký gửi hàng hóa”, vốn kinh doanh 01 tỷ đồng, tên hộ kinh doanh Lương Thị T; địa chỉ kinh doanh số nhà 254, đường Trường Chinh, tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố

S. Cơ sở kinh doanh có 03 thành viên gồm: Nguyễn Việt C chịu trách nhiệm quản lý điều hành cơ sở; Lương Thị T là người đại diện đứng tên cơ sở kinh doanh; Trần Khắc K được giao quản lý theo dõi thu, chi tài chính. Cả 03 người đều có vai trò tuyên truyền, giới thiệu cho khách hàng về hình thức hoạt động của cơ sở kinh doanh. Quá trình hoạt động, các thành viên chỉ trao đổi, thống nhất bằng miệng, không có văn bản cụ thể, ba người thỏa thuận trên cơ sở kinh doanh có lãi thì lợi nhuận sẽ chia theo tỷ lệ 4:3:3 (Nguyễn Việt C 4 phần; Lương Thị T 3 phần; Trần Khắc K 3 phần), ngoài ra cơ sở kinh doanh còn thuê một số nhân viên làm công việc đón tiếp, giao hàng cho khách, vệ sinh trụ sở và được cơ sở trả lương từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng, gồm: Hoàng Thị B, sinh năm 1991, trú tại bản H, Chiềng M, M, tỉnh S; Quàng Thị H, sinh năm 1998, trú tại bản Chậu C, xã Chiềng Q, thành phố S, tỉnh S.

Từ khi thành lập đến đầu tháng 8/2016, cơ sở kinh doanh A kinh doanh các mặt hàng đã được cấp phép như: Nước rửa bát, nước lau nhà, cao hồng sâm, máy lọc nước, thẻ điện thoại. Để kích thích khách hàng đến mua sản phẩm, cơ sở chia một số sản phẩm thành các gói như 900.000 đồng; 1.900.000 đồng; 6.000.000 đồng; 6.900.000 đồng và áp dụng các chương trình khuyến mại (chiết khấu phần trăm, tặng xe máy, điện thoại). Do hoạt động kinh doanh không có kế hoạch, không hoạch toán được lợi nhuận cùng với việc số tiền khách hàng đầu tư mua các gói sản phẩm phần lớn sử dụng không đúng mục đích dẫn đến việc cơ sở không còn tiền để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Căn cứ vào sổ ghi chép thu chi, đến ngày 03/8/2016 cơ sở không hoạt động kinh doanh.

Để có tiền chi tiêu, sử dụng cho mục đích cá nhân, Nguyễn Việt C đã bàn bạc, thống nhất với Lương Thị T, Trần Khắc K đưa ra thông tin gian dối như: “Cơ sở đầu tư kinh doanh vào lĩnh vực du lịch, khoáng sản, bất động sản; việc kinh doanh của cơ sở rất hiệu quả và mang lại lợi nhuận cao, khách hàng sẽ được hưởng lợi nhuận từ 30% đến 35% trên tổng số tiền đầu tư trong thời hạn từ 15 đến 30 ngày”. Theo sự phân công, C, T trực tiếp tư vấn cho khách hàng, lập biên bản thỏa thuận với nội dung: “...đầu tư tài chính vào những mảng như khoáng sản, bất động sản, du lịch...” và cam kết trong thời gian 07 đến 60 ngày cơ sở kinh doanh sẽ trả cả gốc lẫn lãi cho khách hàng, Trần Khắc K được giao viết phiếu thu và trực tiếp thu tiền. Từ ngày 12/8/2016 đến ngày 02/10/2016, C, T, Khắc K đã “tư vấn” và thu tiền của 09 người với tổng số tiền là 1.053.500.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 02/10/2016, Trần Khắc K bàn giao sổ sách lại cho C và T để về quê tại thôn Đình T, xã Đình T, huyện U, tỉnh B (lúc này số tiền còn tồn trên sổ ghi chép là 40.000 đồng). Thời gian này, cơ sở không còn tiền để trả cho các khách hàng như đã cam kết, C bàn bạc với T tiếp tục “tư vấn tài chính” cho khách hàng và sẽ dùng số tiền thu được để trả nợ và chi tiêu cá nhân. T, C đã thu thêm của 03 người bị hại với số tiền là 305.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền C, T, Khắc K đã thu là 1.358.500.000 đồng (một tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng). Với thủ đoạn nhằm tạo

niềm tin cho người bị hại, C, T, Khắc K đã trả 01 phần tiền gốc và tiền lãi cho một số khách hàng với số tiền là 410.500.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt của các bị hại số tiền là 948.000.000 đồng (chín trăm bốn mươi tám triệu đồng), cụ thể như sau:

** Hành vi nhận 1.053.500.000 đồng sau đó chiếm đoạt 645.500.000 đồng của Nguyễn Việt C, Lường Thị T, Trần Khắc K (C, T là người tư vấn, lập biên bản thỏa thuận; Khắc K là người lập phiếu thu và trực tiếp thu tiền của 09 người bị hại với tổng số tiền là 1.053.500.000 đồng).*

1. Nhận của ông Hoàng Văn V; trú tại Tổ 3, phường Quyết T, thành phố S, tỉnh S số tiền 270.000.000 đồng (ngày 12/8/2016 nhận 180.000.000 đồng; ngày 20/9/2016 nhận 90.000.000 đồng). Đã trả cho ông V 176.000.000 đồng, còn chiếm đoạt của ông Hoàng Văn V 94.000.000 đồng.

2. Nhận của bà Cà Thị L (Đ); trú tại bản S, xã Hua L, thành phố S, tỉnh S số tiền 450.000.000 đồng (ngày 12/8/2016 nhận 90.000.000 đồng; ngày 14/9/2016 nhận 360.000.000 đồng). Đã trả cho bà L 163.500.000 đồng, còn chiếm đoạt của bà Cà Thị L 286.500.000 đồng.

3. Ngày 28/8/2016 nhận của bà Vi Thị Hải Y; trú tại tiểu khu 1, thị trấn Thuận C, huyện Thuận C, tỉnh S số tiền 81.500.000 đồng (chưa trả cho bị hại).

4. Ngày 28/9/2016 nhận của bà Quàng Thị N; trú tại bản H, phường Chiềng A, thành phố S, tỉnh S số tiền 90.000.000 đồng. Đã trả cho bà N 4.500.000 đồng, còn chiếm đoạt của bà Quàng Thị N 85.500.000 đồng.

5. Nhận của bà Lù Thị I; trú tại bản B, phường Chiềng A, thành phố S, tỉnh S số tiền 90.000.000 đồng (ngày 09/9/2016 nhận 27.000.000 đồng; ngày 14/9/2016 nhận 3.000.000 đồng; ngày 28/9/2016 nhận 50.000.000 đồng). Đã trả cho bà I 50.000.000 đồng, còn chiếm đoạt bà Lù Thị I 40.000.000 đồng.

6. Ngày 28/9/2016 nhận của bà Lù Thị R; trú tại bản B, phường Chiềng A, thành phố S, tỉnh S số tiền 30.000.000 đồng (chưa trả cho bị hại).

7. Nhận của ông Quàng Văn H; trú tại tiểu khu 19, thị trấn Thuận C, huyện Thuận C, tỉnh S số tiền 18.000.000 đồng (ngày 14/8/2016 nhận 3.000.000 đồng; ngày 20/9/2016 nhận 15.000.000 đồng). Đã trả cho ông Quàng Văn H 4.000.000 đồng, còn chiếm đoạt ông Quàng Văn H 14.000.000 đồng.

8. Ngày 11/9/2016 nhận của bà Lò Thị B; trú tại bản Coóng N, phường Chiềng C, thành phố S, tỉnh S số tiền 15.000.000 đồng. Đã trả cho bà B 10.000.000 đồng, còn chiếm đoạt của bà B 5.000.000 đồng.

9. Ngày 20/9/2016 nhận của bà Đỗ Thị Lan H; trú tại tiểu khu 1, thị trấn Thuận C, huyện Thuận C, tỉnh S số tiền 9.000.000 đồng (chưa trả cho bị hại).

Như vậy: Tổng số tiền Nguyễn Việt C, Lường Thị T và Trần Khắc K đã nhận của 09 người bị hại số tiền 1.053.500.000 đồng, đã trả cho 06 người bị hại số tiền 408.000.000 đồng, còn chiếm đoạt của các bị hại 645.500.000 đồng.

** Hành vi nhận 305.000.000 đồng sau đó chiếm đoạt 302.500.000 đồng*

của Nguyễn Việt C, Lương Thị T (C, T đều là người tư vấn, lập biên bản thỏa thuận và trực tiếp thu tiền của 03 người bị hại với tổng số tiền là 305.000.000 đồng).

1. Ngày 03/10/2016 nhận của ông Hoàng Văn V; trú tại tổ 3, phường Quyết Thắng, thành phố S số tiền 240.000.00 đồng (*chưa trả cho bị hại*).

2. Ngày 04/10/2016 nhận của bà Quàng Thị P; trú tại bản B, phường Chiềng A, thành phố S 60.000.000 đồng (*chưa trả cho bị hại*).

3. Ngày 06/10/2016 nhận của bà Lù Thị O; trú tại bản B, phường Chiềng A, thành phố S số tiền 5.000.000 đồng, đã trả cho bà Ot 2.500.000 đồng, còn chiếm đoạt của bà Lù Thị O 2.500.000 đồng.

Như vậy: Nguyễn Việt C, Lương Thị T đã nhận của 03 bị hại với tổng số tiền là 305.000.000 đồng, đã trả cho 01 bị hại số tiền 2.500.000 đồng, còn chiếm đoạt của các bị hại 302.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Việt C, Lương Thị T, Trần Khắc K khai nhận:

Mặc dù cơ sở không có đủ điều kiện và không có kế hoạch đầu tư vào các lĩnh vực khoáng sản, bất động sản, du lịch, nhưng để có tiền trả nợ, chi tiêu sử dụng cá nhân, Nguyễn Việt C đã bàn bạc, thống nhất với Lương Thị T, Trần Khắc K sẽ “Tư vấn tài chính” cho khách hàng đầu tư vào các lĩnh vực bất động sản, khoáng sản và du lịch. Để kích thích khách hàng tin tưởng nộp tiền cho cơ sở kinh doanh, C, T, Khắc K giới thiệu hiện cơ sở đang kinh doanh lĩnh vực này hiệu quả, nếu đầu tư sẽ được hưởng lợi nhuận cao (*từ 30% đến 35% /tổng số tiền đầu tư*), số tiền đã nhận từ người bị hại, C, T, Khắc K đã sử dụng đi ghi lô đề và chi tiêu cá nhân. Cụ thể: Thanh toán trả cho một số khách hàng (bị hại) 410.500.000 đồng; sử dụng chi tiêu cá nhân 406.870.000 đồng (*C 85.000.000 đồng; T 268.000.000 đồng; Khắc K 53.870.000 đồng*); mua vé lô tô, ghi lô, ghi đề 176.365.000 đồng; chuyển cho Nguyễn Văn S, trú tại Bắc Giang để kinh doanh tiền ảo Bitcoin 43.000.000 đồng (*S đã trả cả gốc và lãi cho cơ sở kinh doanh*); mua xe ô tô BKS 98K-6651 số tiền 81.500.000 đồng; mua xe ô tô BKS 99K-00601 số tiền 20.000.000 đồng; mua đất số tiền 100.000.000 đồng (*tiền bán đất và xe ô tô C sử dụng cá nhân*); chi ăn uống, hát, trả lương cho nhân viên, trả lãi cầm cố tài sản và các khoản chi khác số tiền 120.265.000 đồng. Tính đến tháng 11/2016, số tiền 1.358.500.000 đồng, C, T, Khắc K nhận từ 11 người bị hại đã sử dụng, chi tiêu hết nên cơ sở kinh doanh A ngừng hoạt động.

Như vậy: Nguyễn Việt C, Lương Thị T, Trần Khắc K đã nhận của 11 người bị hại tổng số tiền là 1.358.500.000 đồng, đã trả cho 7 người bị hại số tiền 410.500.000 đồng (*gồm: Hoàng Văn V 176.000.000 đồng; Cà Thị L 163.500.000 đồng; Lù Thị I 50.000.000 đồng; Quàng Thị N 4.500.000 đồng; Quàng Văn H 4.000.000 đồng; Lò Thị B 10.000.000 đồng; Lù Thị O 2.500.000 đồng*), còn đang chiếm đoạt số tiền 948.000.000 đồng. Trong đó Nguyễn Việt C, Lương Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã nhận của 11 bị hại là 948.000.000 đồng. Trần Khắc K phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền

645.500.000 đồng mà Khắc K được giao trực tiếp viết phiếu thu và nhận tiền. Trong vụ án, Nguyễn Việt C thực hiện hành vi phạm tội với vai trò cầm đầu, Lương Thị T và Trần Khắc K thực hiện hành vi phạm tội với vai trò người thực hành.

Vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con dấu của cơ sở A; 01 điện thoại di động của Nguyễn Việt C.

Kết quả trưng cầu giám định:

Ngày 06/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S ra Quyết định trưng cầu giám định số 1345 về chữ ký, chữ viết của Lương Thị T, Trần Khắc K, Nguyễn Việt C trên các tài liệu gồm: 01 sổ ghi chép thu, chi ký hiệu A1; 01 sổ phiếu chi 2 liên ký hiệu A2; 02 sổ phiếu thu 2 liên, ngoài bìa ghi "T9/2016" ký hiệu A3, A4 với mẫu so sánh là các tài liệu có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Việt C, Lương Thị T, Trần Khắc K và 02 bị hại là ông Hoàng Văn V, bà Cà Thị L được ký hiệu từ M1-M7.

Tại Bản kết luận giám định số 363 ngày 16/8/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an S kết luận:

(1). Tài liệu cần giám định ký hiệu A1.

- Chữ viết ở phần nội dung trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 tại các trang ghi ngày "14/8", "8/9", "12/9", "14/9", "20/9", "28/9", "13/10" so với chữ viết của Trần Khắc K trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là chữ viết của cùng một người.

- Chữ viết có nội dung: "Chị Nguyễn Thị Mai H chuyển nốt gói nợ công 2.100.000đ; Mua lễ thấp hương CS2 100.000đ" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 tại trang ghi ngày "3/10" so với chữ viết của Nguyễn Việt C trên mẫu so sánh ký hiệu M5 là chữ viết của cùng một người.

- Chữ viết có nội dung bắt đầu từ: "anh T đầu tư ngắn hạn..." đến "Còn lại 92.040.000đ" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 tại trang ghi ngày "3/10" so với chữ viết của Lương Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là chữ viết của cùng một người.

- Chữ viết ở phần nội dung trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 tại trang ghi ngày "06/10" (1/2 bên phải) so với chữ viết của Nguyễn Việt C trên mẫu so sánh ký hiệu M5 là chữ viết của cùng một người.

- Chữ viết ở phần nội dung trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 tại trang ghi ngày "06/10" (1/2 bên phải) so với chữ viết của Lương Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là chữ viết của cùng một người.

- Chữ viết tại các trang ghi ngày "24/9", "26/5", "28/9", "01/10", "6/10", "13/10", "17/10/2016", "18/10/2016" đã bị che phủ nội dung nguyên thủy.

- + Nội dung nguyên thủy tại trang ghi ngày "24/9" là: Đánh đề.

- + Nội dung nguyên thủy tại trang ghi ngày "28/9" là: Chơi lô đề.

- + Nội dung nguyên thủy tại trang ghi ngày "6/10", "17/10/2016" là: Đánh lô.

- + Nội dung nguyên thủy tại trang ghi ngày "26/5", "01/10", "13/10",

"18/10/2016" là: Ghi lô.

+ Chữ viết bị che phủ tại trang ghi ngày "06/10" so với chữ viết của Nguyễn Việt C trên mẫu so sánh ký hiệu M5 là chữ viết cùng một người.

(2). Tài liệu cần giám định ký hiệu A2.

- Chữ viết ghi ở phần nội dung, chữ ký, chữ viết dưới mục "*Thủ quỹ*" mang tên Trần Khắc K trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 tại phiếu chi số 28 (ngày 20/9/2016) và số 34 (ngày 28/9/2016) so với chữ ký, chữ viết của Trần Khắc K trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là chữ ký của cùng một người.

- Chữ ký Lương Thị T dưới mục "*Giám đốc*" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 tại phiếu chi số 28 (ngày 20/9/2016) và số 34 (ngày 28/9/2016) so với chữ ký của Lương Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ ký của cùng một người.

- Chữ ký, chữ viết dưới mục "*Người nhận tiền*" mang tên Cà Thị L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 tại phiếu chi số 28 (ngày 20/9/2016) so với chữ ký, chữ viết của Cà Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu M7 là chữ ký, chữ viết của cùng một người.

- Chữ ký, chữ viết dưới mục "*Người nhận tiền*" mang tên Hoàng Văn V trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 tại phiếu chi số 34 (ngày 28/9/2016) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn V trên mẫu so sánh ký hiệu M6 là chữ ký, chữ viết của cùng một người.

(3). Tài liệu cần giám định ký hiệu A3.

- Chữ viết ghi ở phần nội dung, chữ ký, chữ viết dưới mục "*Thủ quỹ*" mang tên Trần Khắc K trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 tại phiếu thu đề ngày 14/9/2016 và ngày 20/9/2016 so với chữ ký, chữ viết của Trần Khắc K trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là chữ ký, chữ viết của cùng một người.

- Chữ ký Lương Thị T dưới mục "*Giám đốc*" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 tại phiếu thu đề ngày 14/9/2016 và ngày 20/9/2016 so với chữ ký của Lương Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ ký của cùng một người.

- Chữ ký, chữ viết dưới mục "*Người nộp tiền*" mang tên Cà Thị L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 tại phiếu thu đề ngày 14/9/2016 so với chữ ký, chữ viết của Cà Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu M7 là chữ ký, chữ viết của cùng một người.

- Chữ ký, chữ viết dưới mục "*Người nộp tiền*" mang tên Hoàng Văn V trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 tại phiếu thu đề ngày 20/9/2016 so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn V trên mẫu so sánh ký hiệu M6 là chữ ký, chữ viết của cùng một người.

(4). Tài liệu cần giám định ký hiệu A4.

- Chữ viết ở phần nội dung chữ ký của Lương Thị T dưới mục "*Giám đốc*" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 tại phiếu thu đề ngày 03/10/2016 so

với chữ viết, chữ ký của Lương Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ ký của cùng một người.

- Chữ ký, chữ viết dưới mục "*Người lập phiếu*" mang tên Nguyễn Việt C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 tại phiếu thu đề ngày 03/10/2016 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Việt C trên mẫu so sánh ký hiệu M5 là chữ ký, chữ viết của cùng một người.

- Chữ ký, chữ viết dưới mục "*Người nộp tiền*" mang tên Hoàng Văn V trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 tại phiếu thu đề ngày 03/10/2016 so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn V trên mẫu so sánh ký hiệu M6 là chữ ký, chữ viết của cùng một người.

* Đối với hành vi mua vé lô tô, ghi lô, ghi đề số tiền 176.365.000 đồng được thể hiện trong lời khai và kết luận giám định tại cuốn sổ quản lý thu chi của cơ sở A. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh tại các địa chỉ mà C, T, Khắc K khai ghi lô, ghi đề, mua vé lô tô tại nhiều địa điểm khác nhau ở khu vực đường Trần Đăng Ninh, thành phố S (C, T, Khắc K không nhớ tên, tuổi, cụ thể của những người bán vé lô tô, ghi lô, ghi đề). Vì vậy không đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Việt C, Lương Thị T, Trần Khắc K về hành vi đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2021/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh S đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p, q khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt C 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (13/10/2018).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2021, bị cáo Nguyễn Việt C có đơn kháng cáo đề nghị khởi tố thêm đối với C, T, Khắc K về tội "Đánh bạc" và khởi tố đối với các đối tượng khác về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Việt C giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo cho rằng bị cáo bị oan về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", đề nghị khởi tố thêm đối với bị cáo C, T, Khắc K về tội "Đánh bạc" và khởi tố đối với các đối tượng khác về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Việt C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan sai. Đề

ngị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt C; giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt C: Bị cáo cùng T và Khắc K đã cùng nhau nhận tiền của những người bị hại nhằm mục đích lấy tiền của người này để trả cho người kia. Các bị cáo bị Tòa sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cân nhắc việc có khởi tố thêm các bị cáo về tội “Đánh bạc” hoặc có khởi tố thêm đối với các đối tượng khác về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời khai của bị cáo Nguyễn Việt C tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo Lường Thị T, Trần Khắc K tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra; lời khai của những người bị hại, người làm chứng trong vụ án; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Cơ sở kinh doanh A được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24A8005769, đăng ký lần đầu ngày 07/4/2014; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/02/2016, ngành nghề kinh doanh “Buôn bán thực phẩm chức năng, mỹ phẩm; hàng tiêu dùng, nước giải khát đồ lon, chai; đại lý ký gửi hàng hóa”, vốn kinh doanh 01 tỷ đồng, tên hộ kinh doanh Lường Thị T; địa chỉ kinh doanh số nhà 254, đường Trường Chinh, tổ 4, phường Quyết Thắng, thành phố S. Cơ sở kinh doanh có 03 thành viên gồm: Nguyễn Việt C chịu trách nhiệm quản lý điều hành cơ sở; Lường Thị T là người đại diện đứng tên cơ sở kinh doanh; Trần Khắc K được giao quản lý theo dõi thu, chi tài chính. Cả 03 người đều có vai trò tuyên truyền, giới thiệu cho khách hàng về hình thức hoạt động của cơ sở kinh doanh. Quá trình hoạt động, các thành viên chỉ trao đổi, thống nhất bằng miệng, không có văn bản cụ thể, ba người thỏa thuận trên cơ sở kinh doanh có lãi thì lợi nhuận sẽ chia theo tỷ lệ 4:3:3 (Nguyễn Việt C 4 phần; Lường Thị T 3 phần; Trần Khắc K 3 phần), ngoài ra cơ sở kinh doanh còn thuê một số nhân viên làm công việc đón tiếp, giao hàng cho khách, vệ sinh trụ sở và được cơ sở trả lương từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng, gồm: Hoàng Thị B, sinh năm 1991, trú tại bản H, Chiềng M, M, tỉnh S; Quàng Thị H, sinh năm 1998, trú tại bản Chậu C, xã Chiềng C, thành phố S, tỉnh S.

[2]. Cơ sở kinh doanh A mặc dù không có đăng ký ngành nghề kinh doanh bất động sản, du lịch, khoáng sản, nhưng để có tiền chi tiêu cá nhân và chơi lô đề.... bị cáo Nguyễn Việt C cùng với các bị cáo Lường Thị T và Trần Khắc K đã đưa ra thông tin gian dối như: “Cơ sở A đầu tư kinh doanh vào các

lĩnh vực du lịch, khoáng sản, bất động sản; việc kinh doanh của cơ sở rất hiệu quả và mang lại lợi nhuận cao, khách hàng sẽ được hưởng lợi nhuận từ 30% đến 35% trên tổng số tiền đầu tư trong thời hạn từ 15 đến 30 ngày... ”. Từ ngày 01/8/2016 đến ngày 01/10/2016, các bị cáo C, T, Anh đã nhận của 09 người bị hại với tổng số tiền là 1.053.500.000đ. Ngày 02/10/2016, do bất đồng quan điểm trong việc kinh doanh, Trần Khắc K đã bàn giao lại sổ sách cho C và T để về quê (lúc này số tiền còn tồn trên sổ ghi chép là 40.000 đồng). Thời gian này, cơ sở kinh doanh A không có tiền trả cho các khách hàng như đã cam kết, C bàn bạc với T tiếp tục “tư vấn tài chính” cho khách hàng và dùng số tiền thu được để trả nợ và chi tiêu cá nhân. T, C đã thu thêm của 03 người bị hại gồm Hoàng Văn V, Lù Thị O và Quảng Thị P với số tiền 305.000.000 đồng. Tổng số tiền mà các bị cáo C, T, Khắc K đã thu của 11 người bị hại là 1.358.500.000 đồng. Với thủ đoạn nhằm tạo niềm tin cho người bị hại, các bị cáo đã trả một phần tiền gốc, tiền lãi cho một số khách hàng với số tiền là 410.500.000 đồng. Hiện các bị cáo còn chiếm đoạt của 11 người bị hại số tiền 948.000.000 đồng (*chín trăm bốn mươi tám triệu đồng*). Tổng số tiền đã thu của 11 người bị hại là 1.358.500.000 đồng, đã chi cụ thể: Thanh toán trả cho một số khách hàng (bị hại) 410.500.000 đồng; sử dụng chi tiêu cá nhân 406.870.000 đồng (*C 85.000.000 đồng; T 268.000.000 đồng; Khắc K 53.870.000 đồng*); mua vé lô tô, ghi lô, ghi đề 176.365.000 đồng; chuyển cho Nguyễn Văn S, trú tại Bắc Giang để kinh doanh tiền ảo Bitcoin 43.000.000 đồng (*S đã trả cả gốc và lãi cho cơ sở kinh doanh*); mua xe ô tô BKS 98K-6651 số tiền 81.500.000 đồng; mua xe ô tô BKS 99K-00601 số tiền 20.000.000 đồng; mua đất số tiền 100.000.000 đồng (*tiền bán đất và xe ô tô C sử dụng cá nhân*); chi ăn uống, hát, trả lương cho nhân viên, trả lãi cầm cố tài sản và các khoản chi khác số tiền 120.265.000 đồng. Tính đến tháng 11/2016, số tiền 1.358.500.000 đồng, C, T, Khắc K nhận từ 11 người bị hại đã sử dụng, chi tiêu hết nên cơ sở kinh doanh A ngừng hoạt động.

[3]. Như vậy, bị cáo Nguyễn Việt C cùng Lường Thị T, Trần Khắc K đều là người có trình độ học vấn, nhận thức rõ về hành vi mà các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã bàn bạc thống nhất thành lập cơ sở kinh doanh A mặc dù không có đăng ký ngành nghề kinh doanh bất động sản, du lịch, khoáng sản; nhưng các bị cáo đã đưa ra những thông tin gian dối, không có thật nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, số tiền các bị cáo chiếm đoạt có giá trị lớn, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu tại địa phương. Toà án cấp sơ thẩm đã quy kết hành vi của bị cáo Nguyễn Việt C đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng quy định pháp luật; không oan sai.

[4]. Bị cáo Nguyễn Việt C là người khởi xướng việc thực hiện tội phạm, trực tiếp quản lý điều hành và phân công nhiệm vụ cho các bị cáo khác; tích cực tuyên truyền, giới thiệu khách hàng về hình thức hoạt động của cơ sở kinh

doanh và lợi nhuận được hưởng nhiều nhất (4 phần). Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo C giữ vai trò là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo, điều hành của bị cáo C, là người đại diện đứng tên trên giấy phép kinh doanh, giúp bị cáo C thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, giới thiệu khách hàng về hình thức hoạt động của cơ sở kinh doanh, là người ứng tiền để chi tiêu cá nhân nhiều nhất. Bị cáo Trần Khắc K thực hiện hành vi phạm tội theo sự phân công, chỉ đạo điều hành của bị cáo C, được bị cáo C giao nhiệm vụ nhận tiền, theo dõi thu, chi tài chính và tuyên truyền, giới thiệu cho khách hàng về hình thức hoạt động của cơ sở kinh doanh. Nên đã đánh giá bị cáo T, Trần Khắc K tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức là có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo C 12 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã xác minh thu thập, xác định Nguyễn Văn S là người kêu gọi cơ sở A đầu tư vào đồng tiền ảo Bitcoin, C và Khắc K đã đưa cho S 43.000.000 đồng tại Thành phố Hà Nội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, T và Khắc K đều xác nhận S đã trả cho cơ sở A số tiền trên (cả tiền gốc và tiền lãi). S không biết việc C, T, Khắc K đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của 11 người bị hại, S không tham gia bàn bạc và không được hưởng lợi từ việc này; như vậy không đủ căn cứ chứng minh Nguyễn Văn S đồng phạm với các bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Văn S.

[6]. Theo lời khai của người bị hại, các bị cáo Lương Thị T, Trần Khắc K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; có đủ căn cứ xác định cơ sở A chỉ thuê Hoàng Thị B và Quàng Thị H làm nhiệm vụ lễ tân, giao hàng cho khách, vệ sinh trụ sở và được trả lương theo tháng. Quá trình làm việc, B và H khai không biết, không được trao đổi, bàn bạc đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Việt C, Lương Thị T, Trần Khắc K. Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với B và H là có căn cứ; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo C.

[7]. Đối với Dương Văn N là Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng N (Tổng công ty C làm việc). Nguyễn Việt C khai Công ty Hoàng N đã cử hai nhân viên lên S để hỗ trợ tổ chức hội B, tuy nhiên do biết mảnh khoe lừa đảo của Công ty Hoàng N nên Nguyễn Việt C sau khi nhận tiền từ những người bị hại, C không chuyển cho Công ty mà đứng ra chịu trách nhiệm nhận nợ với khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào cơ sở kinh doanh A. Tại công văn trả lời ủy thác điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang xác định: Công ty Hoàng N có đăng ký 39 ngành nghề trong đó có kinh doanh bất động sản, đại lý du lịch, điều hành tua du lịch... Tuy nhiên Công ty Hoàng N không có hoạt động gì tại trụ sở. Hiện nay Cơ quan cảnh sát điều tra chưa triệu tập được ông Dương Văn N - Giám đốc Công ty Hoàng N

do đã chuyển đi nơi khác từ ngày 10/8/2017. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh S tiếp tục xác minh, điều tra, nếu có căn cứ sẽ xử lý Dương Văn N - Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng N theo quy định của pháp luật.

[8]. Bị cáo Nguyễn Việt C cho rằng Cà Thị L (Đ) và Lù Thị I có liên quan đến việc các bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xét thấy Cà Thị L (Đ) và Lù Thị I là những người có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo và cũng là nạn nhân (bị hại) bị các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lương Thị T và Trần Khắc K khẳng định ngoài 03 bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không có ai khác tham gia cùng. Ngoài lời khai của bị cáo Nguyễn Việt C không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh, do đó không đủ căn cứ để xác định Cà Thị L (Đ) và Lù Thị I đồng phạm với các bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[9]. Đối với hành vi mua vé lô tô, ghi lô, ghi đề số tiền 176.365.000 đồng được thể hiện trong lời khai và kết luận giám định tại cuốn sổ quản lý thu chi của cơ sở A. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh tại các địa chỉ mà C, T, Khắc K khai ghi lô, ghi đề, mua vé lô tô tại nhiều địa điểm khác nhau ở khu vực đường Trần Đăng Ninh, thành phố S (C, T, Khắc K không nhớ tên, tuổi, cụ thể của những người bán vé lô tô, ghi lô, ghi đề). Vì vậy, không đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Việt C, Lương Thị T, Trần Khắc K về hành vi đánh bạc.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Việt C cùng Lương Thị T và Trần Khắc K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của 11 người tổng số là 948.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Nguyễn Việt C, Lương Thị T và Trần Khắc K liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại là đúng pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Việt C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[12]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt C; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2021/HS-ST ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p, q khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Việt C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt C 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (13/10/2018).

2. Giữ nguyên quyết định về trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Việt C phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh S;
- TAND tỉnh S;
- CQĐTCA tỉnh S;
- TTGCA tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã kí)

Lê Thị Thúy Bình